BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2019/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2019*

THÔNG TƯ

Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Bình Thuận

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận.

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná

Vùng nước cảng biển Bình Thuận thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná bao gồm các vùng nước sau:

1. Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Hòa Phú.

2. Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Phan Thiết.

3. Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực đảo Phú Quý.

4. Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực dầu khí ngoài khơi mỏ Hồng Ngọc.

5. Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực dầu khí ngoài khơi mỏ Sư Tử Đen.

6. Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực dầu khí ngoài khơi mỏ Sư Tử Vàng.

7. Vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực dầu khí ngoài khơi mỏ Thăng Long - Đông Đô.

8. Vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná.

Điều 2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná

Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Hòa Phú:

Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm HP1, HP2, HP3, HP4, HP5 và HP6 có tọa độ sau đây:

HP1: 11°09’13,3”N; 108°31’29,4”E;

HP2: 11°08’43,3”N; 108°32’39,4”E;

HP3: 11°08’18,3”N; 108°33’08,4”E;

HP4: 11°07’09,3”N; 108°33’59,4”E;

HP5: 11°06’57,3”N; 108°33’48,4”E;

HP6: 11°09’01,3”N; 108°31’19,4”E.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm HP1 chạy dọc theo đường bờ biển xuống phía Nam đến điểm HP6.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Phan Thiết:

Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm PT1, PT2, PT3, PT4, PT5, PT6 và PT7 có tọa độ sau đây:

PT1: 10°54’59,3”N; 108°06’22,4”E (Đầu kè Đông Bắc);

PT2: 10°53’48,3”N; 108°10’14,4”E;

PT3: 10°53’00,3”N; 108°10’14,4”E;

PT4: 10°53’00,3”N; 108°08’14,4”E;

PT5: 10°53’54,3” N; 108°05’45,4” E;

PT6: 10°54’39,3”N; 108°05’55,4”E (Bãi cạn);

PT7: 10°54’57,3” N; 108°06’08,4”E (Đầu kè Tây Nam).

Ranh giới về phía đất liền: từ hai điểm PT1, PT7 chạy dọc theo hai bờ sông Cà Ty đến đường vĩ tuyến 10°55’13,3”N cắt ngang sông.

3. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực đảo Phú Quý:

Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm PQ1, PQ2, PQ3, PQ4, PQ5, PQ6 và PQ7 có tọa độ sau đây:

PQ1: 10°30’12,3” N; 108°57’10,4”E;

PQ2: 10°30’02,3”N; 108°57’15,4”E;

PQ3: 10°29’38,3”N; 108°57’12,4”E;

PQ4: 10°29’23,3”N; 108°55’08,4”E;

PQ5: 10°30’40,3”N; 108°55’01,4”E;

PQ6: 10°30’00,3”N; 108°57’01,4”E;

PQ7: 10°30’11,3”N; 108°57’04,4”E.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm PQ1 chạy dọc theo đường bờ xuống phía Tây đến điểm PQ7.

4. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực dầu khí ngoài khơi mỏ Hồng Ngọc: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí HN có tọa độ sau đây:

HN: 10°22’28,3” N; 108°30’07,4”E.

5. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực dầu khí ngoài khơi mỏ Sư Tử Đen: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí STĐ có tọa độ sau đây:

STĐ: 10°25’20,3”N; 108°23’44,4”E.

6. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực dầu khí ngoài khơi mỏ Sư Tử Vàng: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 01 hải lý, với tâm tại vị trí STV có tọa độ sau đây:

STV: 10°21’49,3”N; 108°22’37,4”E.

7. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực dầu khí ngoài khơi mỏ Thăng Long - Đông Đô: được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 03 hải lý, với tâm tại vị trí TL - ĐĐ có tọa độ sau đây:

TL - ĐĐ: 10°08’02,3”N; 108°34’03,4”E.

8. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná:

Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm CN1, CN2 và VT1 có tọa độ sau đây:

CN1: 11°18'22,2”N; 108°54'53,4"E (Mũi Sừng Trâu);

CN2: 11°16’43,2”N; 108°54’24,4”E;

VT1: 11°17’17,2”N; 108°46’35,4”E.

Ranh giới về phía đất liền: từ điểm CN1 chạy dọc theo đường bờ biển xuống phía Nam đến điểm VT1.

9. Phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Thông tư này được xác định trên Hải đồ số IA-200-10 tái bản năm 2007, IA-200-11 tái bản năm 2009 của Hải quân nhân dân Việt Nam; Hải đồ VN4VT00; VN4PT001, VN4PQ001, VN4HP001 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Miền Nam sản xuất năm 2016 và các hải đồ liên quan khác. Tọa độ các điểm quy định tại Điều này được áp dụng theo Hệ tọa độ WGS 84 và được chuyển đổi sang Hệ tọa độ VN 2000 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh trú bão, khu nước, vùng nước có liên quan khác

Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức công bố vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná và khu nước, vùng nước khác theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận và Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu

1. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam và pháp luật có liên quan đối với hoạt động hàng hải tại các bến cảng và vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná;

b) Căn cứ quy định và tình hình thực tế về điều kiện khí tượng thủy văn, mớn nước, tính chất hàng hóa và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước theo quy định, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

c) Thực hiện thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng theo quy định đối với tàu thuyền đến vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná;

d) Thông báo cho Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu biết tên, quốc tịch, các thông số kỹ thuật chính và những thông tin cần thiết khác của tàu thuyền có nhu cầu đón trả hoa tiêu tại vùng đón trả hoa tiêu trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu chậm nhất 02 giờ trước khi tàu thuyền đi vào vùng đón trả hoa tiêu Vũng Tàu để phối hợp quản lý theo quy định pháp luật; thông báo cho Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu biết việc điều động tàu thuyền rời vị trí do Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu chỉ định để vào vùng nước cảng biển do mình quản lý chậm nhất 01 giờ trước khi tàu thuyền rời vị trí;

đ) Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu giải quyết những vụ việc phát sinh đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná khi tàu thuyền hoạt động tại vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Trách nhiệm của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu:

Căn cứ vào tình hình thực tế về điều kiện khí tượng thủy văn, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền vào, rời cảng biển do Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận quản lý nhưng phải đón trả hoa tiêu, neo đậu, tránh bão trú trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chỉ định vị trí cụ thể bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và chậm nhất 01 giờ trước khi tàu thuyền đến vùng đón trả hoa tiêu phải thông báo cho Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận, tỉnh Ninh Thuận

Ngoài phạm vi vùng nước cảng biển quy định tại Điều 2 của Thông tư này, Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận còn có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường trên vùng biển thuộc tỉnh Bình Thuận và vùng biển thuộc tỉnh Ninh Thuận tính từ vĩ tuyến 11°25’00"N trở xuống hết vùng biển phía Nam của tỉnh Ninh Thuận.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. Bãi bỏ Thông tư số 51/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Bình Thuận và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Thuận, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Nha Trang, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Công

PHỤ LỤC

BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC VỊ TRÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

1. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Hòa Phú, gồm các vị trí có tọa độ như sau:

Điểm	**Hệ WGS - 84**		**Hệ VN - 2000**	
	Vĩ độ (N)	**Kinh độ (E)**	**Vĩ độ (N)**	**Kinh độ (E)**
HP1	11°09’13,3”	108°31’29,4”	11°09’17,0”	108°31’23,0”
HP2	11°08’43,3”	108°32’39,4”	11°08’47,0”	108°32’33,0”
HP3	11°08’18,3”	108°33’08,4”	11°08’22,0”	108°33’02,0”
HP4	11°07’09,3”	108°33’59,4”	11°07’13,0”	108°33’53,0”
HP5	11°06’57,3”	108°33’48,4”	11°07’01,0”	108°33’42,0”
HP6	11°09’01,3”	108°31’19,4”	11°09’05,0”	108°31’12,0”

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Phan Thiết, gồm các vị trí có tọa độ như sau:

Điểm	**Hệ WGS - 84**		**Hệ VN - 2000**	
	Vĩ độ (N)	**Kinh độ (E)**	**Vĩ độ (N)**	**Kinh độ (E)**
PT1	10°54’59,3”	108°06’22,4”	10°55’03,0”	108°06’15,0”
PT2	10°53’48,3”	108°10’14,4”	10°53’52,0”	108°10’07,0”
PT3	10°53’00,3”	108°10’14,4”	10°53’04,0”	108°10’07,0”
PT4	10°53’00,3”	108°08’14,4”	10°53’04,0”	108°08’07,0”
PT5	10°53’54,3”	108°05’45,4”	10°53’58,0”	108°05’38,0”
PT6	10°54’39,3”	108°05’55,4”	10°54’43,0”	108°05’48,0”
PT7	10°54’57,3”	108°06’08,4”	10°55’01,0”	108°06’01,0”
Đường vĩ tuyến	10°55’13,3”		10°55’17,0”	

3. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực Phú Quý, gồm các vị trí có tọa độ như sau:

Điểm	Hệ WGS - 84		Hệ VN - 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
PQ1	10°30’12,3”	108°57’10,4”	10°30’16,0”	108°57’03,0”
PQ2	10°30’02,3”	108°57’15,4”	10°30’06,0”	108°57’08,0”
PQ3	10°29’38,3”	108°57’12,4”	10°29’42,0”	108°57’05,0”
PQ4	10°29’23,3”	108°55’08,4”	10°29’27,0”	108°55’01,0”
PQ5	10°30’40,3”	108°55’01,4”	10°30’44,0”	108°54’54,0”
PQ6	10°30’00,3”	108°57’01,4”	10°30’04,0”	108°56’54,0”
PQ7	10°30’11,3”	108°57’04,4”	10°30’15,0”	108°56’57,0”

4. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận tại khu vực các cảng biển dầu khí ngoài khơi, gồm vị trí có tọa độ như sau:

Điểm	Hệ WGS - 84		Hệ VN - 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
HN	10°22’28,3”	108°30’07,4”	10°22’32,0”	108°30’01,0”
STĐ	10°25’20,3”	108°23’44,4”	10°25’24,0”	108°23’38,0”
STV	10°21’49,3”	108°22’37,4”	10°21’52,0”	108°22’30,0”
TL - ĐĐ	10°08’02,3”	108°34’03,4”	10°08’06,0”	108°33’56,0”

5. Phạm vi vùng nước cảng biển Bình Thuận - Ninh Thuận tại khu vực Vĩnh Tân - Cà Ná, gồm các vị trí có tọa độ như sau:

Điểm	Hệ WGS - 84		Hệ VN - 2000	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
CN1	11°18'22,2”	108°54'53,4"	11°18'26,0”	108°54'47,0”
CN2	11°16’43,2”	108°54’24,4”	11°16’47,0”	108°54’17,0”
VT1	11°17’17,2”	108°46’35,4”	11°17’20,0”	108°46’29,0”

6. Ranh giới quy định trách nhiệm quản lý về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Ninh Thuận (*tính từ đường ranh giới về phía Nam*):

Ranh giới	**Hệ WGS - 84**		**Hệ VN - 2000**	
	Vĩ độ (N)	**Kinh độ (E)**	**Vĩ độ (N)**	**Kinh độ (E)**
	11°25'00,0"	-	11°25'03,7"	-